TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 285/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 7 - 2019
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Khuyên

2. Ông Phạm Thế Phương

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Minh Sang, thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Thanh, kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 Toà án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 239/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 và theo Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số: 415/TB-TA ngày 26 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Mỹ V, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Tổ 12, ấp Tân Hòa B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Anh D, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Tổ 12, ấp Tân Hòa B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa: Chị Phạm Thị Mỹ V có mặt, anh Nguyễn Anh D vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 18 tháng 10 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ V trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Mỹ V và anh Nguyễn Anh D do mai mối thông qua cha mẹ hai bên đồng ý nên tổ chức lễ cưới vào năm 1999, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An ngày 09 tháng 9 năm 2002 (trích lục kết hôn số: 05/TLKH-BS ngày 21 tháng 02 năm 2018). Cuộc sống chung có hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, do anh D không lo làm ăn, chỉ lo nhậu nhẹt quậy phá gia đình, chị V đã nhiều lần khuyên can nhưng anh D không sửa đổi nên vợ chồng thường xuyên cải vã, dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Mặt dù, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thể sống chung được, vì anh D có quan hệ với người phụ nữ khác, dẫn đi khỏi địa phương sinh sống. Do không còn tình cảm vợ chồng với anh D nên chị Phạm Thị Mỹ V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Anh D.

Về con chung: Chị Phạm Thị Mỹ V và anh Nguyễn Anh D có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Hân, sinh năm 2000 đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Mỹ V khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với anh Nguyễn Anh D là bị đơn, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

3. Theo biên bản lấy lời khai của người làm chứng Nguyễn Thị Ngọc Hân ngày 14 tháng 3 năm 2019. Nguyễn Thị Ngọc Hân trình bày: Bà Phạm Thị Mỹ V và ông Nguyễn Anh D là cha mẹ ruột của Hân. Nguyên nhân cha mẹ không còn sống chung, do cha thường xuyên nhậu say, kiếm chuyện cải vã với mẹ, đập phá đồ đạc trong nhà không ai khuyên can được nên mâu thuẫn cha mẹ ngày càng nghiêm trọng hơn, cha mẹ đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Tôi đã nhiều lần năn nỉ cha mẹ đoàn tụ nhưng không được, trường hợp mẹ muốn ly hôn với cha thì tôi không có ý kiến, theo tôi biết cha cũng muốn ly hôn với mẹ do cha đi làm thuê ở xa không về được, gần đây nghe nói cha có quan hệ với người phụ nữ khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 191, Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 237, 239, 240, 241, 242, 243, 246, 247, 249, 250, 251, 252, 253, 255, 256, 257, 259, 260 và Điều 263 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Đối với nguyên đơn: Chị Phạm Thị Mỹ V đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Anh D theo đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng anh D vẫn vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh D là phù hợp theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Căn cứ Điều 85, Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Mỹ V được ly hôn với anh Nguyễn Anh D.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Mỹ V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị Mỹ V khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Anh D do anh Nguyễn Anh D có địa chỉ tại tổ 12, ấp Tân Hòa B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tư cách đương sự: Anh Nguyễn Anh D là bị đơn vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì xét xử vắng mặt theo quy định chung.

Nội dung vụ án:

[1] Xét về hôn nhân giữa: Chị Phạm Thị Mỹ V và anh Nguyễn Anh D cho thấy, chị V và anh D sống chung do mai mối và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1999. Đến ngày 09 tháng 9 năm 2002, chị V với anh D mới đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An, giấy chứng nhận kết hôn số:138/TLKH (Trích lục kết hôn số: 05/TLKH-BS ngày 21 tháng 02 năm 2018) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét quá trình sống chung: Chị Phạm Thị Mỹ V cho rằng, chị với anh D sống chung có hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D không lo làm ăn, chỉ lo nhậu nhẹt quậy phá gia đình, còn quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Tháng 3 năm 2018, chị V làm đơn ly hôn với anh D do gia đình hai bên hòa giải và thương con gái, chị V rút đơn kiện để đoàn tụ sống chung với anh D nhưng anh D vẫn không sửa đổi. Xét thấy, lời khai của chị Phạm Thị Mỹ V phù hợp với lời khai của em Nguyễn Thị Ngọc H (H là con gái của chị V và anh D) về mâu thuẫn gia đình, dẫn đến việc chị V xin ly hôn với anh D.

[3] Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Mỹ V cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Anh D là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, chị V và anh D mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xét xử. Chấp nhận yêu của chị Phạm Thị Mỹ V về việc ly hôn đối với anh Nguyễn Anh D.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Mỹ V được ly hôn với anh Nguyễn Anh D.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị Mỹ V và anh Nguyễn Anh D có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 2000 đã trưởng thành, có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Mỹ V khai không có nên Hội đồng xét xử, không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chị Phạm Thị Mỹ V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số: 0009575 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

[7] Về căn cứ pháp luật: Kiểm sát viên đề nghị căn cứ Điều 85, Điều 89 và Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Căn cứ theo quy định tại Điều 131 (Điều khoản chuyển tiếp) của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên. Hội xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xét xử;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Mỹ V được ly hôn với anh Nguyễn Anh D.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị Mỹ V và anh Nguyễn Anh D có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 2000 (đã trưởng thành).

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Mỹ V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số: 0009575 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Mỹ V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng anh Nguyễn Anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- CC.THADS thị xã Tân Châu;
- UBND xã Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

Đỗ Thị Thúy